

Văn bản gửi đăng Công báo

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - BỘ TÀI CHÍNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2015/TTLT-BGDĐT-BTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Giữ...S...ngay...17/3...

Kính chuyển: ...TTĐT(2)...

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn tuyển sinh và chế độ tài chính

**thực hiện Quyết định số 599/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2013
của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Đào tạo cán bộ ở nước ngoài bằng
ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2020”**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Số: 5
Ngày: 18/3

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Đào tạo cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2020”;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn tuyển sinh và chế độ tài chính thực hiện Quyết định số 599/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Đào tạo cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2020”.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định việc tuyển sinh và chế độ tài chính thực hiện Đề án “Đào tạo cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2020” được phê duyệt tại Quyết định số 599/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Đề án 599).

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Đề án 599.

Điều 2. Đối tượng tuyển sinh

1. Trình độ đại học:

- a) Học sinh đoạt giải Olympic quốc tế;
- b) Học sinh có năng khiếu đặc biệt trong lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật, Thể dục - Thể thao.

2. Trình độ thạc sĩ:

- a) Giảng viên các cơ sở giáo dục đại học;
- b) Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ, các bộ, ngành và cơ quan nhà nước.

Điều 3. Thời gian thực hiện, phương thức đào tạo

1. Thời gian thực hiện Đề án: Từ năm 2013 đến năm 2020. Trong đó, thời gian tuyển mới các đối tượng đi học từ năm 2015 đến năm 2017.

2. Phương thức đào tạo:

- a) Đào tạo tập trung toàn thời gian ở nước ngoài;
- b) Đào tạo theo phương thức phối hợp gồm một phần thời gian đào tạo ở trong nước và một phần thời gian đào tạo ở nước ngoài.

Chương II

ĐÀO TẠO TẬP TRUNG TOÀN THỜI GIAN Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 4. Đối tượng dự tuyển

Theo quy định tại Điều 2 của Thông tư liên tịch này.

Điều 5. Điều kiện dự tuyển

1. Điều kiện chung:

- a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, đủ sức khỏe để đi học nước ngoài, không trong thời gian bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Đăng ký dự tuyển đi đào tạo trình độ cao hơn trình độ đã có văn bằng;
- c) Đăng ký ngành học tại nước ngoài theo đúng ngành học đã đoạt giải thưởng quốc tế (đối với người đi học đại học), ngành học đã tốt nghiệp đại học hoặc phải phù hợp với nhu cầu công tác của cơ quan, địa phương cử đi học (đối với người đi học thạc sĩ);
- d) Có trình độ ngoại ngữ theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch này;
- đ) Có cam kết hoàn thành nghĩa vụ học tập và về nước phục vụ sau khi tốt nghiệp theo quy định, được cơ quan đang công tác (đối với đối tượng đào tạo trình độ thạc sĩ) hoặc gia đình (đối với đối tượng đào tạo trình độ đại học) xác nhận;

e) Đối tượng đi học đại học là ứng viên đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đang học đại học năm thứ nhất hoặc năm thứ hai tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam vào thời điểm ban hành thông báo tuyển sinh;

g) Đối tượng dự tuyển đi học thạc sĩ phải dưới 35 tuổi tính đến ngày ban hành thông báo tuyển sinh.

2. Điều kiện cụ thể:

Ứng viên dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện chung quy định tại khoản 1 Điều này và các điều kiện cụ thể tương ứng với trình độ dự tuyển như sau:

a) Trình độ đại học:

- Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch này phải là học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn cử dự thi và đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi Olympic quốc tế;

- Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch này phải là học sinh do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cử dự thi và đoạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi quốc tế thuộc lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật và Thể dục - Thể thao.

b) Trình độ thạc sĩ:

- Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch này phải có bằng tốt nghiệp đại học chính quy đạt loại khá trở lên. Trường hợp đối tượng dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng hoặc làm thủ tục công nhận văn bằng tại Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ các trường hợp đi học theo chương trình học bổng ngân sách nhà nước và học bổng Hiệp định do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý);

- Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch này phải là giảng viên cơ hữu đang công tác tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, có ít nhất 02 năm công tác liên tục tại cơ sở cử đi học và được cơ sở xét chọn, cử dự tuyển;

- Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch này phải đáp ứng các quy định hiện hành đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước đi học ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước và được cơ quan xét chọn và cử dự tuyển.

Điều 6. Điều kiện ngoại ngữ

1. Ứng viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch này phải có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế của ngoại ngữ sẽ sử dụng trong học tập tương đương trình độ B1 trở lên theo khung tham chiếu Châu Âu do một cơ quan khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm dự tuyển.

2. Ứng viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch này phải có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế của ngoại ngữ sẽ sử dụng trong học tập tương đương trình độ B2 trở lên theo khung tham chiếu Châu Âu do một cơ quan khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm dự tuyển.

3. Miễn chứng chỉ ngoại ngữ

Ứng viên có bằng tốt nghiệp ở nước ngoài nay trở lại nước đó học tập hoặc ngôn ngữ đã sử dụng trong học tập ở nước ngoài phù hợp với ngôn ngữ sẽ sử dụng để theo học chương trình đào tạo cao hơn thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Điều 7. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo

a) Đối với trình độ đại học: Theo yêu cầu của chương trình đào tạo ở nước ngoài nhưng không quá 04 năm. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định đối với các trường hợp có thời gian đào tạo quá 04 năm theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Đối với trình độ thạc sĩ: Theo yêu cầu của chương trình đào tạo nhưng không vượt quá 02 năm. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định đối với các trường hợp có thời gian đào tạo quá 02 năm theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

2. Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung.

Điều 8. Ngành học, nước cử đi học

1. Ngành học

a) Trình độ đại học: Ứng viên trúng tuyển sẽ được gửi đi học các nhóm ngành học sinh đã đoạt giải Olympic quốc tế, đoạt giải quốc tế trong lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật, Thể dục - Thể thao;

b) Trình độ thạc sĩ: Ưu tiên tuyển sinh và đào tạo theo ngành/nhóm ngành. Các ngành lựa chọn gửi đi đào tạo ở nước ngoài là các ngành trong nước chưa có khả năng đào tạo hoặc chưa đủ điều kiện đảm bảo đào tạo chất lượng và theo nhu cầu thực tế cần ưu tiên đào tạo cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ, các Bộ, ngành và cơ quan khác của nhà nước, bao gồm: Các ngành công nghệ ưu tiên: Công nghệ thông tin và truyền thông, Công nghệ sinh học, Công nghệ vật liệu mới, Công nghệ chế tạo máy và tự động hóa, Công nghệ môi trường; các ngành khoa học và công nghệ lĩnh vực năng lượng nguyên tử; các ngành khoa học cơ bản; các ngành khoa học kỹ thuật; các ngành khoa học y dược; các ngành khoa học nông, lâm, ngư; các ngành khoa học hành chính công; các ngành khoa học xã hội và nhân văn.

2. Nước cử đi học

Ưu tiên gửi đi đào tạo ở các nước tiên tiến trên thế giới và tại những cơ sở đào tạo nước ngoài đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh sách cơ sở đào tạo nước ngoài đã ký kết thỏa thuận hợp tác được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Đào tạo với nước ngoài - Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: www.vied.vn.

a) Trình độ đại học: Ưu tiên gửi đi đào tạo tại Anh, Ca-na-đa, Đức, Hoa Kỳ, Liên bang Nga, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Pháp, Xin-ga-po, Trung Quốc và một số nước khác có thế mạnh về từng lĩnh vực đào tạo;

b) Trình độ thạc sĩ: Ưu tiên gửi đi đào tạo tại Anh, Ca-na-đa, Đức, Hà Lan, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Liên bang Nga, Nhật Bản, Niu Di-lân, Ô-xtrây-li-a, Pháp, Xin-ga-po, Trung Quốc (gồm cả Hồng Kông và Đài Loan) và một số nước khác có thể mạnh về từng lĩnh vực đào tạo.

Điều 9. Hồ sơ xét tuyển, thông báo tuyển sinh

1. Hồ sơ xét tuyển thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư 01/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài.

2. Thông báo tuyển sinh được ban hành hằng năm, có thể thực hiện từ 1 đến 2 lần tuyển sinh theo từng trình độ đào tạo. Nội dung thông báo tuyển sinh bao gồm số lượng học bổng, phân bổ chỉ tiêu học bổng (nếu có), nước gửi đi đào tạo, trình độ và ngành đào tạo, chế độ học bổng, đối tượng, điều kiện, hồ sơ và thời hạn dự tuyển.

3. Thông báo tuyển sinh được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: www.moet.gov.vn và trang thông tin điện tử của Cục Đào tạo với nước ngoài - Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: www.vied.vn.

Điều 10. Quy trình xét tuyển và cử ứng viên trúng tuyển đi đào tạo ở nước ngoài

1. Hằng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng xét tuyển để thẩm định danh sách ứng viên theo nguyên tắc xét tuyển quy định tại khoản 2 Điều này, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

2. Nguyên tắc xét tuyển

a) Trình độ đại học: Trường hợp các ứng viên dự tuyển có các tiêu chuẩn ngang nhau thì xét tuyển ứng viên đạt nhiều tiêu chí hơn. Việc xét tuyển được thực hiện bằng cách sắp xếp danh sách ứng viên dự tuyển theo thứ tự từ cao xuống thấp theo các tiêu chí sau đây:

- Thành tích đoạt giải thưởng quốc tế;
- Kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia;
- Điểm trung bình kết quả học tập của các kỳ học tại trường đại học đang học (tính đến thời điểm dự tuyển);
- Điểm trung bình 03 năm học trung học phổ thông;
- Điểm ngoại ngữ (theo quy định cụ thể của thông báo tuyển sinh);
- Các tiêu chí ưu tiên, thành tích khác theo quy định;
- Đánh giá và thứ tự ưu tiên theo đề nghị của cơ quan giới thiệu dự tuyển (nếu có).

b) Trình độ thạc sĩ: Trường hợp các ứng viên dự tuyển có các tiêu chuẩn ngang nhau thì xét tuyển ứng viên đạt nhiều tiêu chí hơn. Việc xét tuyển được thực hiện bằng cách sắp xếp danh sách ứng viên dự tuyển theo thứ tự từ cao xuống thấp theo các tiêu chí sau đây:

- Thâm niên công tác;

- Ngành đăng ký đi học;
- Kết quả tốt nghiệp đại học;
- Công trình nghiên cứu khoa học (bài báo, báo cáo khoa học, giải thưởng, bằng sáng chế...), thành tích trong học tập, nghiên cứu và công tác;
- Đối tượng ưu tiên theo vùng miền;
- Điểm ngoại ngữ (theo quy định cụ thể của thông báo tuyển sinh);
- Đánh giá và thứ tự ưu tiên theo đề nghị của cơ quan giới thiệu dự tuyển.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định danh sách ứng viên trúng tuyển đi học ở nước ngoài. Trước khi có quyết định đi học ở nước ngoài, ứng viên trúng tuyển phải có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đạt yêu cầu theo quy định của cơ sở đào tạo nước ngoài (trừ các đối tượng thuộc khoản 3 Điều 6 của Thông tư liên tịch này).

4. Kết quả trúng tuyển có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký quyết định phê duyệt trúng tuyển.

5. Việc liên hệ cơ sở đào tạo cho ứng viên được thực hiện theo các cách sau:

a) Cục Đào tạo với nước ngoài tiến hành các thủ tục liên hệ đăng ký học với các cơ sở đào tạo nước ngoài cho các ứng viên;

b) Ứng viên tự liên hệ với cơ sở đào tạo nước ngoài.

6. Sau khi ứng viên có giấy tiếp nhận của cơ sở đào tạo ở nước ngoài và đáp ứng đủ các điều kiện về hồ sơ và các quy định hiện hành, Cục trưởng Cục Đào tạo với nước ngoài ra quyết định cử ứng viên trúng tuyển đi học ở nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 01/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài.

Chương III

ĐÀO TẠO THEO PHƯƠNG THỨC PHỐI HỢP

Điều 11. Đối tượng dự tuyển

Ứng viên dự tuyển theo phương thức đào tạo phối hợp là các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư liên tịch này.

Điều 12. Điều kiện dự tuyển

Điều kiện dự tuyển đào tạo theo phương thức phối hợp thực hiện theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 5 của Thông tư liên tịch này.

Điều 13. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Theo phương thức 1+1 (một phần thời gian đào tạo trong nước và một phần thời gian đào tạo tại nước ngoài).

2. Hình thức đào tạo: chính quy tập trung.

Điều 14. Ngành học, nước cử đi học

1. Ngành học: Ưu tiên tuyển sinh và đào tạo theo ngành/nhóm ngành. Các ngành lựa chọn đào tạo theo hình thức phối hợp là các ngành phù hợp với định hướng của nhà nước và yêu cầu nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo trong nước thông qua việc hợp tác, liên kết với các đối tác uy tín của nước ngoài, bao gồm: Công nghệ thông tin và truyền thông, Công nghệ sinh học, Công nghệ vật liệu mới, Công nghệ môi trường; các ngành khoa học cơ bản; các ngành khoa học kỹ thuật.

2. Nước cử đi học: Ưu tiên gửi đi đào tạo tại Đức, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Niu Di-lân, Ô-xtrây-li-a, Pháp, Liên bang Nga.

Điều 15. Điều kiện đăng ký nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ theo phương thức phối hợp

1. Điều kiện để các cơ sở đào tạo được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ theo phương thức phối hợp:

a) Là cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ của chuyên ngành đăng ký hoặc đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép liên kết đào tạo với nước ngoài thực hiện chương trình liên kết của ngành đăng ký;

b) Có thỏa thuận hợp tác đào tạo thạc sĩ với cơ sở đào tạo nước ngoài đã được ký kết giữa hai bên đảm bảo thực hiện những nội dung nêu trong Đề án nhận nhiệm vụ của cơ sở đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Cơ sở đào tạo trong nước chỉ được phối hợp đào tạo trình độ thạc sĩ với cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ có uy tín trên thế giới và được cơ quan có thẩm quyền tại nước sở tại kiểm định chất lượng;

d) Có đề án đào tạo trình độ thạc sĩ theo phương thức phối hợp xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đề án đào tạo trình độ thạc sĩ theo phương thức phối hợp được xây dựng theo những nội dung và yêu cầu chính như sau:

a) Giới thiệu về trường đối tác nước ngoài; kinh nghiệm hợp tác đào tạo thạc sĩ;

b) Ngành đào tạo, chương trình đào tạo, quy mô đào tạo;

c) Đối tượng, điều kiện dự tuyển;

d) Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo để thực hiện chương trình đào tạo phối hợp bao gồm: đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học; cơ sở vật chất; kinh nghiệm đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học của cả hai bên; kinh nghiệm hợp tác quốc tế trong đào tạo thạc sĩ với các trường đối tác;

đ) Các quy định của cơ sở đào tạo thạc sĩ trong nước và cơ sở đào tạo thạc sĩ nước ngoài về đào tạo theo phương thức phối hợp, trong đó nêu rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của mỗi bên trong tổ chức đào tạo; việc áp dụng các quy định về tổ chức đào tạo thạc sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài vào cơ sở đào tạo Việt Nam;

e) Kế hoạch đào tạo nêu rõ thời gian, lộ trình đào tạo tại Việt Nam và tại cơ sở đào tạo nước ngoài; trách nhiệm của cả hai bên trong suốt quá trình đào tạo thạc sĩ;

g) Tổ chức hoạt động đào tạo: áp dụng quy chế và yêu cầu đào tạo thạc sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài theo phương thức phối hợp;

h) Cơ cấu tổ chức thực hiện đề án, các biện pháp xử lý rủi ro;

i) Trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tuyển sinh, đào tạo và đánh giá; giảng viên Việt Nam, giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy và hướng dẫn; cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm cấp bằng; các nội dung liên quan khác;

k) Dự toán kinh phí chi tiết.

Điều 16. Hồ sơ và quy trình giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ theo phương thức phối hợp

1. Hồ sơ đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ theo phương thức phối hợp gồm:

a) Tờ trình đề nghị nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ theo phương thức phối hợp;

b) Biên bản thỏa thuận phối hợp đào tạo giữa cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ trong nước và cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ nước ngoài;

c) Đề án đào tạo trình độ thạc sĩ theo phương thức phối hợp;

d) Biên bản thông qua đề án của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo;

đ) Văn bản chứng minh cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài đã được kiểm định chất lượng đào tạo.

2. Quy trình xem xét giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ theo phương thức phối hợp.

a) Cơ sở đào tạo xin giao nhiệm vụ đào tạo phối hợp gửi 05 bộ hồ sơ đến Cục Đào tạo với nước ngoài - Bộ Giáo dục và Đào tạo qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Đào tạo với nước ngoài kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Đào tạo với nước ngoài thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ để sửa đổi, bổ sung;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Đào tạo với nước ngoài chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ theo phương thức phối hợp cho cơ sở đào tạo nếu hồ sơ đã hoàn thiện và đủ điều kiện hoặc ra thông báo không giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ theo phương thức phối hợp cho cơ sở đào tạo nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

Điều 17. Tuyển sinh và tổ chức đào tạo

1. Hằng năm các cơ sở đào tạo được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ theo phương thức phối hợp ra thông báo tuyển sinh, trong đó nêu cụ thể về chỉ tiêu, chuyên ngành đào tạo, đối tượng, điều kiện dự tuyển; hồ sơ và lệ phí tuyển sinh, thời

gian tuyển chọn; tổ chức tuyển sinh và ra quyết định công nhận trúng tuyển theo đúng Đề án đào tạo thạc sĩ theo phương thức phối hợp được phê duyệt.

2. Việc tổ chức đào tạo thực hiện theo đúng quy định và kế hoạch đào tạo nêu trong Đề án nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ theo phương thức phối hợp đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

3. Cơ sở đào tạo trong nước có trách nhiệm chủ trì xác định kế hoạch cử học viên đi đào tạo tại cơ sở đào tạo nước ngoài theo chương trình đào tạo được thống nhất giữa hai bên; Cục Đào tạo với nước ngoài có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ sở đào tạo trong nước quyết định và giải quyết thủ tục cử học viên đi đào tạo ở nước ngoài theo đúng kế hoạch. Trước khi có quyết định đi học ở nước ngoài, ứng viên trúng tuyển phải có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đạt yêu cầu theo quy định của cơ sở đào tạo nước ngoài (trừ các đối tượng thuộc khoản 3 Điều 6 của Thông tư liên tịch này).

4. Định kỳ 06 tháng và sau khi kết thúc thời gian đào tạo, lưu học sinh báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu cho Cục Đào tạo với nước ngoài và cơ sở đào tạo thạc sĩ trong nước theo quy định hiện hành.

Điều 18. Trách nhiệm và quyền của giảng viên giảng dạy chương trình thạc sĩ và người hướng dẫn học viên theo phương thức phối hợp

1. Trong thời gian học viên được đào tạo trong nước, giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo thạc sĩ và người hướng dẫn (kể cả giảng viên và người hướng dẫn nước ngoài) có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về nhiệm vụ và trách nhiệm của giảng viên và người hướng dẫn được quy định tại Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành và quy định tại Đề án đào tạo phối hợp của cơ sở đào tạo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

2. Trong thời gian lưu học sinh được đào tạo tại cơ sở đào tạo nước ngoài, người hướng dẫn (kể cả người hướng dẫn của cơ sở đào tạo trong nước) có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về nhiệm vụ và trách nhiệm người hướng dẫn của cơ sở đào tạo nước ngoài và các quy định trong đề án đào tạo phối hợp đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Chương IV QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH

Điều 19. Về nội dung và mức chi đào tạo, quản lý tài chính

1. Nội dung và mức chi đào tạo, quản lý tài chính thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 144/2007/TTLT-BTC-BGDĐT-BNG ngày 05 tháng 12 năm 2007 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao hướng dẫn chế độ cấp phát và quản lý kinh phí đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng nguồn vốn NSNN và Thông tư liên tịch số 206/2010/TTLT-BTC-BGDĐT-BNG ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 144/2007/TTLT-BTC-BGDĐT-BNG và các quy định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Bảo hiểm y tế: Đối với các nước chưa có quy định mức bảo hiểm nêu ở khoản 1 Điều này thì áp dụng theo mức bảo hiểm tối thiểu của các nước trong khu vực.

Điều 20. Chi phí đào tạo ngoại ngữ cho lưu học sinh đi học đại học

Căn cứ số lượng ứng viên được tuyển chọn đi học đại học và kinh phí được cấp, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức bồi dưỡng ngoại ngữ trong thời gian tối đa 6 tháng trước khi đi học ở nước ngoài nếu có tối thiểu 10 học viên/lớp có cùng trình độ. Trường hợp số lượng học sinh trúng tuyển không đủ tổ chức lớp học thì lưu học sinh phải tự bồi dưỡng đủ trình độ ngoại ngữ để được cử đi học nước ngoài trong thời gian Quyết định phê duyệt trúng tuyển có hiệu lực.

Nội dung và mức chi đào tạo ngoại ngữ được vận dụng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Điều 21. Lập dự toán, phê duyệt dự toán

1. Hằng năm, căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm xác định số lượng người đào tạo đối với từng ngành nghề đào tạo của năm kế hoạch, phương thức đào tạo theo từng quốc gia gửi người đào tạo (chi tiết theo số lưu học sinh đang học, số lưu học sinh sẽ nhập học mới, số lưu học sinh sẽ học xong về nước), gửi Bộ Tài chính làm căn cứ tổng hợp, bố trí dự toán kinh phí.

2. Kinh phí thực hiện Đề án 599 (đối với phương thức đào tạo tập trung toàn thời gian ở nước ngoài và đào tạo theo phương thức phối hợp ở nước ngoài) được giao trong tổng dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo để chi trả cho các cơ sở đào tạo và lưu học sinh ở nước ngoài theo quy định. Kinh phí thực hiện đào tạo trong nước đối với phương thức đào tạo phối hợp, kinh phí đào tạo ngoại ngữ cho lưu học sinh đi học đại học được giao trong tổng dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo để chi trả cho các cơ sở đào tạo trong nước theo quy định hiện hành.

3. Dự toán kinh phí được giao hằng năm nếu chưa sử dụng hết sẽ được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án 599 đảm bảo chất lượng, hiệu quả và chủ động cân đối ngành nghề ưu tiên cử đi đào tạo ở nước ngoài.

2. Xây dựng kế hoạch đào tạo và dự toán kinh phí tổng thể toàn bộ Đề án 599, bao gồm dự kiến chi tiết về số lượng, phương thức đào tạo (đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, đào tạo theo hình thức phối hợp), kế hoạch đào tạo cùng tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Đề án 599 và dự toán hằng năm, gửi Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; Chịu trách nhiệm cân đối chỉ tiêu tổng thể và

chỉ tiêu theo nước cử đi học trong phạm vi tổng mức kinh phí được phê duyệt tại Đề án 599, đảm bảo tuyển sinh không vượt chỉ tiêu đào tạo và không cử đi đào tạo mới vượt quá thời gian thực hiện Đề án.

3. Theo dõi, đánh giá tiến độ, chất lượng thực hiện Đề án và giám sát việc tiếp nhận, bố trí công tác sau khi tốt nghiệp cho các lưu học sinh của Đề án 599; định kỳ sơ kết và tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Tham gia với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện Đề án về số lượng, cơ cấu ngành nghề, trình độ, phương thức đào tạo (đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài và đào tạo theo hình thức phối hợp) và tổng dự toán kinh phí thực hiện Đề án 599.

2. Hằng năm, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Đề án 599.

3. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án 599 theo mục đích, đối tượng và chế độ tài chính quy định.

Điều 24. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của cơ quan cử người đi học

Đối với người đi học thạc sĩ, cơ quan cử người đi học có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cử đi đào tạo hằng năm và sắp xếp, bố trí công việc cho lưu học sinh trong thời hạn không quá 06 tháng sau khi lưu học sinh đã tốt nghiệp về nước. Quá thời hạn này, nếu cơ quan cử người đi học không có quyết định tiếp nhận hoặc không bố trí công việc cho lưu học sinh tốt nghiệp thì cơ quan cử người đi học có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ chi phí đào tạo cho ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 25. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của lưu học sinh

1. Hoàn thành chương trình đào tạo đã đăng ký và quay trở về Việt Nam, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo sau khi tốt nghiệp để làm thủ tục tiếp nhận lại.

2. Tự chi trả các chi phí đào tạo nếu các chi phí này vượt quá mức trần quy định của nhà nước hoặc kéo dài thời gian đào tạo so với quyết định cử đi học.

3. Bồi hoàn toàn bộ chi phí đào tạo nếu không hoàn thành chương trình đào tạo, không chấp hành hoặc chưa chấp hành đủ thời gian làm việc được quy định theo sự phân công của cơ quan cử đi đào tạo sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. Việc bồi hoàn chi phí đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

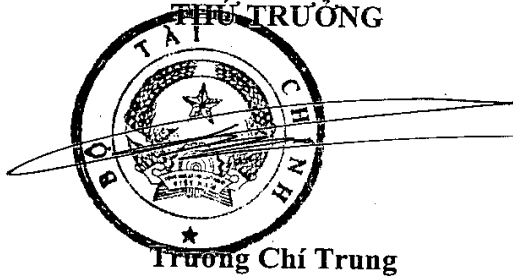
1. Các Đề án đào tạo nguồn nhân lực tại nước ngoài khác được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt có đối tượng và ngành nghề phù hợp với đối tượng và ngành nghề quy định tại Đề án 599 thì được bố trí kinh phí lồng ghép theo Đề án 599.

2. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2015.

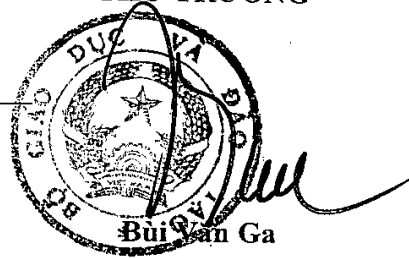
3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư liên tịch này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

4. Trong trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết ./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**



**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỨ TRƯỞNG**



Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở GD&ĐT, Sở Tài chính;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT.